



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 57

Ngày 01 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|--|----|
| 28-10-2015- | Quyết định số 49/2015/QĐ-UBND quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động và chính sách hỗ trợ đối với Đội công tác xã hội tình nguyện phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 30-10-2015- | Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ban hành quy định về thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh. | 5 |
| 13-11-2015- | Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ban hành Quy trình thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 33 |

- 18-11-2015- Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND về sửa đổi Khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức danh và chế độ, chính sách đối với Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trợ lý thanh niên tại Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận - huyện.

42

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 03-10-2015- Quyết định số 4907/QĐ-UBND về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6 thuộc Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2.
- 03-11-2015- Quyết định số 5616/QĐ-UBND về bãi bỏ Công văn số 5344/UBND-VX ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về định biên các chức danh trong tổ chức bộ máy các trường học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

44

58

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động và chính sách hỗ trợ đối với
Đội công tác xã hội tình nguyện phường, xã, thị trấn
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2012/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BNV ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định về thành lập, giải thể, tổ chức hoạt động và chế độ chính sách đối với Đội công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kinh phí hoạt động và chính sách hỗ trợ đối với Đội Công tác xã hội tình nguyện xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tại Tờ trình số 20212/TTr-SLĐTBXH-STC ngày 28 tháng 9 năm 2015 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 5603/STP-VB ngày 19 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động và chính sách hỗ trợ đối với Đội công tác xã hội tình nguyện phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Minh, cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với thành viên của Đội công tác xã hội tình nguyện tại phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố:

- a) Đội trưởng là 0,6 lần mức lương cơ sở;
- b) Đội phó là 0,5 lần mức lương cơ sở;
- c) Đội viên là 0,4 lần mức lương cơ sở.

2. Hỗ trợ tiền mua trang phục với mức tối đa là 500.000 đồng/người/năm (đối với thành viên có thời gian tham gia Đội công tác xã hội tình nguyện từ 09 tháng trở lên).

3. Hỗ trợ kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên để chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn, tham vấn cho đối tượng, văn phòng phẩm, sơ kết, tổng kết của Đội công tác xã hội tình nguyện tại phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố là 6.000.000 đồng/Đội/năm.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Giao Ủy ban nhân dân quận, huyện cân đối từ dự toán ngân sách quận, huyện được giao hàng năm và các nguồn vận động khác theo quy định để thực hiện các chế độ nêu trên.

5. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này thay thế Công văn số 3005/UBND-VX ngày 12 tháng 5 năm 2006 về chi kinh phí hoạt động cho Tổ cán sự xã hội tình nguyện phường, xã, thị trấn và Công văn số 2064/UBND-VX ngày 10 tháng 5 năm 2010 về việc bổ sung thêm cơ cấu tổ chức và chi kinh phí hoạt động cho Tổ cán sự xã hội tình nguyện phường - xã, thị trấn của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 2 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục sản phẩm công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế Thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Thực hiện Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

Thực hiện Quyết định số 1556/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;

Thực hiện Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định 9028/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 8985/SKHĐT-KT ngày 29 tháng 9 năm 2015, ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 5140/STP-VP ngày 25 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 và Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu của Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 5390/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Chương trình kích cầu của Thành phố Hồ Chí Minh. Các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố đã được phê duyệt theo Quyết định số 87/2003/QĐ-UB, Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND, Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố mà chưa hết thời gian được hỗ trợ lãi suất vẫn tiếp tục được thực hiện theo các quy định trước đây cho đến hết thời gian được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí

Minh, Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở ban ngành, Chủ đầu tư các dự án liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10
năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

1. Quy định này quy định về việc triển khai thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố bao gồm: trình tự, thủ tục đăng ký tham gia Chương trình; các đơn vị làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chủ trương hỗ trợ lãi suất cho các dự án tham gia Chương trình; chức năng và nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong công tác phối hợp xem xét, theo dõi tình hình thực hiện, tình hình giải ngân và công tác quyết toán đối với khoản hỗ trợ lãi suất cho các dự án tham gia Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể đầu tư đổi mới trang thiết bị hiện đại, thay thế hàng nhập khẩu, tạo ra giá trị sản phẩm gia tăng, phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp hỗ trợ, thúc đẩy xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, thể dục thể thao.

2. Các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn Thành phố tham gia Chương trình kích cầu đầu tư phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt, chủ trương đầu tư và thuộc các lĩnh vực nêu tại Điều 3 của Quy định này; được các tổ chức tín dụng chấp thuận cho vay và chưa triển khai thực hiện đối với các hạng mục (xây lắp và thiết bị) sử dụng vốn vay đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư.

3. Các dự án khác do Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh:

1. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể trong nước (100% vốn trong nước) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các đơn vị sự nghiệp có dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố.

2. Các Sở, ban, ngành chuyên môn; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay, các tổ chức khác có liên quan đến việc thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố.

3. Các đối tượng đã được hưởng ưu đãi theo Chương trình khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này.

Chương II**LĨNH VỰC, MỨC LÃI SUẤT, THỜI GIAN VÀ HẠN MỨC VỐN VAY
ĐƯỢC NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ****Điều 3. Lĩnh vực hỗ trợ:**

1. Các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao được hỗ trợ lãi suất theo Chương trình kích cầu đầu tư (Phụ lục I đính kèm)

2. Các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ được hỗ trợ lãi suất theo Chương trình kích cầu đầu tư (Phụ lục II đính kèm).

3. Các dự án thuộc lĩnh vực thương mại và phục vụ sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ lãi suất theo Chương trình kích cầu đầu tư (Phụ lục III đính kèm)

4. Các dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa và thể thao được hỗ trợ lãi suất theo Chương trình kích cầu đầu tư (Phụ lục IV đính kèm).

5. Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng và môi trường được hỗ trợ lãi suất theo Chương trình kích cầu đầu tư (Phụ lục V đính kèm).

Trường hợp danh mục lĩnh vực, ngành, sản phẩm cụ thể tại các phụ lục nêu tại Điều này được cấp thẩm quyền điều chỉnh thì thực hiện theo các danh mục điều chỉnh.

Điều 4. Mức lãi suất hỗ trợ:

1. Mức lãi suất hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy

động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi cuối kỳ) bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) cộng thêm phí quản lý 2%/năm. Lãi suất này do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thông báo hàng tháng theo quy định

Phân chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay thực tế của các tổ chức tín dụng hoặc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh với mức lãi suất hỗ trợ của ngân sách Thành phố do Chủ đầu tư tự cân đối.

2. Đối với dự án vay vốn bằng ngoại tệ, ngân sách hỗ trợ lãi suất tính theo tỷ giá quy đổi do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

Điều 5. Thời gian và hạn mức vốn vay được hỗ trợ:

1. Thời gian hỗ trợ lãi suất đối với các dự án nêu tại Điều 3 của Quy định này không quá 7 năm, kể từ ngày giải ngân lần đầu; số vốn vay của dự án được ngân sách hỗ trợ lãi suất không quá 70% của phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản (tham khảo suất đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành hoặc các cách tính toán tổng mức đầu tư khác theo quy định) và 85% phần vốn công nghệ và thiết bị.

Đối với các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa và thể thao công lập thì ngân sách của Thành phố hỗ trợ toàn bộ lãi đối với số vốn vay của dự án để đầu tư xây dựng cơ bản, công nghệ và thiết bị.

2. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất không quá 100 tỷ đồng cho 1 dự án (đối với dự án vay vốn bằng ngoại tệ, mức vốn vay được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng). Đối với các dự án có yêu cầu mức vốn hỗ trợ lãi suất trên 100 tỷ đồng hoặc thời gian hỗ trợ lãi suất trên 7 năm, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

3. Ngân sách Thành phố không thanh toán phần lãi phát sinh do chủ đầu tư không hoàn trả lại vốn gốc đúng thời hạn quy định.

4. Chủ đầu tư phải hoàn trả vốn gốc theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng tín dụng. Ngân sách không thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các dự án vay vốn trả một lần khi đến hạn. Trường hợp các Chủ đầu tư thực hiện cấu trúc lại khoản vay thì các hợp

đồng tín dụng ký mới phải có các điều khoản về thời gian ân hạn, trả nợ gốc và mức lãi suất không làm phát sinh tăng vượt mức dự kiến được hỗ trợ của hợp đồng ban đầu và dự án được duyệt. Trường hợp các điều khoản về trả nợ gốc, lãi suất, thời gian ân hạn làm phát sinh tăng số vốn hỗ trợ từ ngân sách so với hợp đồng ban đầu thì ngân sách hỗ trợ theo các điều khoản của hợp đồng ban đầu.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH KÍCH CẦU

Điều 6. Thẩm quyền giải quyết hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc chấp thuận hoặc không chấp thuận dự án tham gia Chương trình kích cầu đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và trả kết quả giải quyết cho Chủ đầu tư của các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, thương mại, y tế, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa và thể thao, hạ tầng, môi trường và các dự án khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Sở Công Thương (thông qua đầu mối là Trung tâm Phát triển Công nghiệp hỗ trợ Thành phố) tiếp nhận hồ sơ, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và trả kết quả giải quyết cho Chủ đầu tư của các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ.

Điều 7. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư:

1. Chủ đầu tư dự án có nhu cầu hỗ trợ vốn vay, đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư lập hồ sơ theo thành phần quy định tại Khoản 2 điều này (gồm: 01 bản chính và 04 bản sao) và gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 6 Quy định này.

2. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư gồm có:

a) Văn bản đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư (theo Mẫu tại Phụ lục VI đính kèm).

b) Hồ sơ Dự án đầu tư đảm bảo một số nội dung chủ yếu gồm:

- Thông tin về Chủ đầu tư của Dự án.

- Địa điểm đầu tư của Dự án.
 - Giải trình sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu đầu tư, sự phù hợp về quy hoạch ngành, quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị.
 - Nội dung đầu tư bao gồm:
 - + Các hạng mục xây lắp, quy mô đầu tư (nếu có);
 - + Giải trình về công nghệ và máy móc, thiết bị dự kiến đầu tư; Danh mục và giá trị các máy móc, thiết bị (nếu có);
 - Tổng mức đầu tư của Dự án, bao gồm:
 - + Chi phí xây lắp;
 - + Chi phí Thiết bị và chuyên giao công nghệ;
 - + Chi phí khác;
 - + Dự phòng phí;
 - Nguồn vốn đầu tư của Dự án, bao gồm:
 - + Vốn tự có của Chủ đầu tư;
 - + Vốn vay tổ chức tín dụng;
 - + Nguồn vốn khác;
 - Các Phương án tài chính, khả năng cân đối tài chính để thực hiện Dự án;
 - Tiến độ thực hiện;
- c) Văn bản chấp thuận cho vay của Tổ chức tín dụng sau khi đã thẩm định tính khả thi của Dự án.

3. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm làm đơn vị đầu mối chủ trì, triệu tập các thành viên của Tổ Công tác liên ngành thuộc các cơ quan chuyên ngành có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa địa điểm đầu tư của dự án. Kết quả kiểm tra thực địa phải được lập thành Biên bản làm việc.

4. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra thực địa, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm làm đơn vị đầu mối chủ trì, triệu tập các thành viên của Tổ Công tác liên ngành thuộc các cơ quan chuyên ngành có liên quan tổ chức họp xem xét, đánh giá: sự phù hợp của dự án về quy hoạch, yêu cầu quản lý ngành; tính khả thi của dự án; thẩm tra công nghệ đối với dự án; cho ý kiến về phần vốn vay được ngân

sách hỗ trợ lãi suất cho dự án; các yêu cầu, điều kiện khác theo quy định. Chủ đầu tư dự án được mời tham dự cuộc họp này.

Kết quả cuộc họp phải được lập thành Biên bản, thể hiện rõ ý kiến của các thành viên Tổ Công tác liên ngành tham dự cuộc họp; ý kiến của thành viên Tổ Công tác liên ngành tại cuộc họp là ý kiến chính thức của các cơ quan chuyên ngành cử người tham gia Tổ Công tác liên ngành; trường hợp dự án chưa đủ điều kiện để xem xét hỗ trợ thì cần nêu cụ thể từng nội dung để Chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh.

5. Căn cứ vào Biên bản cuộc họp của Tổ Công tác liên ngành:

a) Đối với các dự án đủ điều kiện được hỗ trợ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp đánh giá, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm làm đơn vị đầu mối tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

b) Đối với các dự án chưa đủ điều kiện: Chủ đầu tư phải bổ sung, hoàn chỉnh lại hồ sơ theo yêu cầu và nộp lại cơ quan có thẩm quyền. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoàn chỉnh của Chủ đầu tư dự án, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm làm đơn vị đầu mối tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Thời hạn để Chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu là 30 ngày làm việc kể từ ngày họp xem xét, đánh giá dự án. Quá thời gian trên, nếu Chủ đầu tư dự án chưa nộp lại hồ sơ hoàn chỉnh mà không có lý do chính đáng, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và kết thúc hồ sơ; Chủ đầu tư dự án nếu có nhu cầu đăng ký tham gia chương trình kích cầu đầu tư thì thực hiện lại hồ sơ theo quy trình.

6. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Sở Công Thương trình, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định chấp thuận cho dự án tham gia chương trình kích cầu đầu tư hoặc có văn bản từ chối, đồng thời nêu rõ lý do và gửi kết quả về Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Sở Công Thương để trả lời cho Chủ đầu tư dự án.

7. Tổng thời gian thực hiện thủ tục đăng ký tham gia chương trình kích cầu đầu tư không vượt quá 15 ngày làm việc.

8. Trường hợp dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tham gia Chương trình kích cầu đầu tư, nếu Chủ đầu tư có văn bản báo cáo xin kết thúc không tham gia Chương trình kích cầu đầu tư trong thời hạn còn được ngân sách Thành phố hỗ trợ lãi suất thì Tổ Công tác liên ngành xem xét, kiểm tra về tiến độ thực hiện, đánh

giá các nội dung chính của dự án, lũy kế số vốn đã được ngân sách hỗ trợ lãi suất, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét đưa dự án ra khỏi Chương trình kích cầu đầu tư.

Điều 8. Quy định về việc giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất cho các dự án tham gia chương trình kích cầu đầu tư:

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất của dự án tại Kho bạc Nhà nước Thành phố. Trình tự, thủ tục kiểm soát, cấp bù lãi suất cho các dự án được thực hiện theo quy định của ngành tài chính.

Điều 9. Quy định về công tác quyết toán đối với dự án tham gia Chương trình kích cầu đầu tư:

Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện quyết toán đối với các khoản được ngân sách hỗ trợ sau khi chấm dứt thời gian hỗ trợ lãi suất của dự án và phê duyệt quyết toán tại Sở Tài chính. Trình tự, thủ tục quyết toán được thực hiện theo quy định của ngành tài chính.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 10. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Triển khai thực hiện dự án đã được phê duyệt theo đúng các quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình; thực hiện đúng các quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường trong đầu tư và sản xuất; sử dụng vốn vay đúng mục đích theo kế hoạch đầu tư của dự án.

Trong trường hợp đặc biệt cần thay đổi chủ sở hữu dưới mọi hình thức, Chủ đầu tư dự án phải được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận bằng văn bản.

2. Trong vòng 03 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian hỗ trợ lãi suất (căn cứ vào hợp đồng tín dụng) Chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán với Sở Tài chính về khoản hỗ trợ lãi suất từ ngân sách. Quá thời hạn nêu trên mà Chủ đầu tư không thực hiện quyết toán đối với các khoản được ngân sách hỗ trợ thì toàn bộ khoản lãi suất đã được hỗ trợ cho dự án sẽ bị thu hồi.

3. Ngay sau thời điểm triển khai dự án đầu tư, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Hợp đồng tín dụng đã ký (bản sao) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thành phố, Sở Công Thương để theo dõi. Chủ đầu tư đồng ý để tổ chức tín dụng cung cấp hồ sơ liên quan dự án theo yêu cầu Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương.

4. Hàng quý, báo cáo về tình hình, tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân và sử dụng vốn vay, đề xuất, kiến nghị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thành phố trước ngày 30 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo; đồng thời, gửi bản đối chiếu công nợ hàng năm giữa Chủ đầu tư với Tổ chức tín dụng hoặc Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh kể từ thời điểm bắt đầu vay cho tới khi thanh lý hợp đồng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thành phố, Sở Công Thương. Thời hạn gửi bản đối chiếu chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu tiên của năm dương lịch.

Trường hợp Chủ đầu tư không thực hiện đúng trách nhiệm báo cáo thì Kho bạc Nhà nước được tạm dừng giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất cho dự án.

5. Khi dự án đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tham gia Chương trình kích cầu đầu tư, trong quá trình triển khai thực hiện nếu Chủ đầu tư thu xếp được nguồn vốn để tất toán các khoản nợ vay của Tổ chức tín dụng trước thời hạn được ngân sách hỗ trợ lãi suất thì Chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo rõ về các nội dung chính của dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chủ trương và tình hình triển khai thực hiện, lũy kế số vốn đã được ngân sách hỗ trợ lãi suất, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án để Tổ Công tác liên ngành xem xét, trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận đưa dự án ra khỏi Chương trình kích cầu đầu tư.

Điều 11. Trách nhiệm của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay vốn:

1. Thẩm định hiệu quả và tính khả thi của dự án, xác nhận khoản vay đã giải ngân.

2. Thực hiện việc kiểm soát giá trị khối lượng xây lắp, thiết bị, công nghệ được giải ngân theo đúng tiến độ thực hiện dự án và theo quy định hiện hành.

3. Hàng tháng phát hành phiếu tính lãi, bảng kê chi phí phát sinh đối với các khoản vay để thực hiện các hạng mục của dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố duyệt hỗ trợ lãi suất.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

1. Tiếp nhận, tham mưu giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ của dự án đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương và Kho bạc Nhà nước Thành phố tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kế hoạch vốn hỗ trợ lãi suất hàng năm đối với các dự án được tham gia Chương trình kích cầu đầu tư.

Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phân khai chi tiết chỉ tiêu kế hoạch cấp bù lãi suất cho từng dự án theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thành phố, các Sở - ngành liên quan, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay vốn kiểm tra việc thực hiện dự án của các Chủ đầu tư trước khi bố trí kế hoạch vốn hỗ trợ lãi suất lần đầu và các lần tiếp theo cho các dự án tham gia Chương trình; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm các quy định liên quan.

4. Cung cấp danh mục các dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tham gia Chương trình kích cầu cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để phối hợp chỉ đạo và quản lý.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát báo cáo định kỳ của Chủ đầu tư; hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định Chương trình kích cầu của Thành phố.

6. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Tổ công tác liên ngành thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Tổ trưởng, Sở Công Thương làm Tổ phó, các sở, ban, ngành liên quan là thành viên.

7. Làm đơn vị đầu mối tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư hàng quý, hàng năm.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Công Thương:

1. Chỉ đạo Trung tâm Phát triển Công nghiệp hỗ trợ Thành phố làm đầu mối tiếp nhận, tham mưu Sở Công Thương giải quyết hồ sơ của dự án đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Cung cấp danh mục các dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tham gia Chương trình kích cầu đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để phân khai chi tiết chỉ tiêu kế hoạch cấp bù lãi suất cho từng dự án theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thành phố, các Sở, ngành liên quan, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay vốn kiểm tra việc thực hiện dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ của các Chủ đầu tư.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát báo cáo định kỳ của Chủ đầu tư; hướng dẫn, đôn đốc Chủ đầu tư thực hiện đúng quy định Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố.

5. Quy định chi tiết trách nhiệm, quyền hạn của Trung tâm Phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố trong việc tham mưu Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và trả kết quả giải quyết cho Chủ đầu tư của các dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

1. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương xem xét phần vốn được ngân sách hỗ trợ lãi suất của các dự án đề nghị tham gia Chương trình kích cầu để thống nhất trước khi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Kho bạc Nhà nước Thành phố, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay vốn kiểm tra việc thực hiện dự án của các chủ đầu tư.

3. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định về chế độ báo cáo của các chủ đầu tư.

4. Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện quyết toán đối với các khoản được ngân sách hỗ trợ sau khi chấm dứt thời gian hỗ trợ lãi suất của dự án và phê duyệt quyết toán.

Điều 15. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước Thành phố:

1. Căn cứ Quyết định phân khai chi tiết chỉ tiêu kế hoạch cấp bù lãi suất cho từng dự án tham gia Chương trình kích cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư và hồ sơ đề nghị cấp bù lãi suất cho dự án của Chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước Thành phố kiểm soát, cấp bù lãi suất cho các dự án.

2. Định kỳ hàng tháng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và Sở Tài chính báo cáo tình hình thanh toán vốn ngân sách hỗ trợ lãi suất cho các dự án.

3. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức tín dụng cho vay vốn kiểm tra việc thực hiện dự án của các chủ đầu tư; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định của Chương trình kích cầu.

4. Hướng dẫn chủ đầu tư dự án về trình tự, thủ tục kiểm soát, cấp bù lãi suất cho các dự án.

Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện quyết toán đối với các khoản được ngân sách hỗ trợ khi chấm dứt thời gian hỗ trợ lãi suất của dự án.

Điều 16. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Hàng tháng gửi thông báo cho Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Kho bạc Nhà nước Thành phố về mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi cuối kỳ) bình quân của bốn ngân hàng thương mại được liệt kê tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Phối hợp chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại tích cực tham gia Chương trình kích cầu, đồng thời thực hiện đúng quy định về cho vay đảm bảo giải ngân đúng theo mục đích của Hợp đồng tín dụng.

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở chuyên ngành đối với các dự án có liên quan:

1. Xem xét tính phù hợp của dự án về quy hoạch, yêu cầu quản lý ngành; đánh giá tính khả thi của Dự án, thẩm tra công nghệ đối với dự án; có ý kiến về các nội dung không phù hợp của các dự án đề nghị tham gia Chương trình kích cầu.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương kiểm tra tình hình thực hiện của các dự án nhằm đảm bảo các dự án triển khai các nội dung đúng theo cam kết ban đầu, đồng thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai của các doanh nghiệp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết kịp thời.

3. Cử cán bộ tham gia Tổ Công tác liên ngành để khảo sát thực địa địa điểm đầu tư và các cuộc họp xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình kích cầu đầu tư, đồng thời kiểm tra tình hình thực hiện của các dự án theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Sở Công Thương.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện đối với các dự án liên quan

Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương theo dõi quá trình thực hiện dự án và đề xuất xử phạt, chế tài theo quy định nếu chủ đầu tư các dự án vi phạm quy định Chương trình kích cầu đầu tư.

Điều 19. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp quá 6 tháng đối với các dự án chỉ đầu tư thiết bị và quá 12 tháng đối với các dự án bao gồm cả xây lắp kể từ ngày Quyết định phê duyệt danh mục dự án Chương trình kích cầu đầu tư cho dự án của Ủy ban nhân dân Thành phố có hiệu lực thi hành mà Chủ đầu tư triển khai dự án đầu tư (hoặc không chứng minh được đã triển khai dự án bằng các nguồn vốn khác) thì Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố đưa các dự án này ra khỏi Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố.

Trường hợp chưa ký hợp đồng vay vốn hoặc chưa triển khai dự án mà có lý do khách quan chính đáng, Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo kịp thời để Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Thành phố tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sử dụng phần vốn vay được ngân sách Thành phố hỗ trợ lãi suất không đúng với các nội dung đầu tư đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt thì phải hoàn trả ngân sách Thành phố phần kinh phí đã được hỗ trợ tính đến thời điểm vi phạm và lãi suất phạt trên tổng số tiền đã nhận hỗ trợ từ Ngân sách (lãi suất áp dụng để tính là lãi suất của Ngân hàng cho vay tại thời điểm nhận hỗ trợ lần cuối cùng). Chủ đầu tư không được tham gia Chương trình kích cầu của Thành phố trong vòng 3 năm kể từ ngày có vi phạm.

Trường hợp quá 1 năm kể từ khi được yêu cầu hoàn trả phần kinh phí và nộp lãi suất phạt nhưng Chủ đầu tư vẫn không thực hiện, giao Sở Tài chính phối hợp với các ngành chức năng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan và Chủ đầu tư các dự án được hỗ trợ lãi suất theo Chương trình kích cầu

đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn cần tháo gỡ, các đơn vị báo cáo, đề xuất, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời.

3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương chịu trách nhiệm theo dõi việc chấp hành quy định này; tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ CAO
ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO CHƯƠNG TRÌNH KÍCH CẦU ĐẦU TƯ

Các Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đầu tư mua sắm trang thiết bị được ngân sách của Thành phố hỗ trợ toàn bộ lãi suất:

1. Các dự án đầu tư sản xuất phù hợp với Danh mục công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao theo các quy định hiện hành.
2. Các dự án đầu tư nghiên cứu, phát triển (R&D); ứng dụng kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ; phòng thí nghiệm; đo kiểm các sản phẩm công nghệ cao.
3. Các dự án đầu tư đặc thù vào Khu Công nghệ cao Thành phố theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP
VÀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
THEO CHƯƠNG TRÌNH KÍCH CẦU ĐẦU TƯ

I. Các Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đầu tư mua sắm trang thiết bị có công nghệ hiện đại, kỹ thuật cao được ngân sách của Thành phố hỗ trợ toàn bộ lãi suất:

Các dự án đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và hai ngành công nghiệp truyền thống theo danh mục cụ thể như sau:

NHÓM NGÀNH	SẢN PHẨM
Ngành Cơ khí	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các loại máy nông - lâm - ngư nghiệp: máy canh tác; máy thu hoạch; máy bảo quản; máy chế biến sản phẩm; dây chuyền giết mổ gia súc, gia cầm tự động. 2. Thiết bị ly tâm tách khuẩn; thiết bị vô trùng và tiệt trùng; Thiết bị diệt khuẩn UV (tia cực tím); thiết bị trao đổi ion; thiết bị lọc than hoạt tính; thiết bị lọc thẩm thấu ngược. 3. Các máy chiết rót, máy đóng gói, máy dán nắp và máy ghép mí lon theo công nghệ tự động; dây chuyền băng tải tự động. 4. Máy dệt, máy may, máy thêu công nghiệp; máy làm khuy, máy đóng nút ứng dụng công nghệ tự động. 5. Thiết bị đóng ngắt điện 15kV/100A trở lên; dây cáp điện 15kV trở lên; thiết bị đấu nối cáp 15kV trở lên; thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng; máy phát điện, máy biến thế 110kV trở lên. 6. Hệ thống điều khiển tự động; thiết bị nhiệt, lạnh sử dụng trong công nghiệp chế biến; thiết bị phân phối điện. 7. Linh kiện ô tô: khung xe từ 29 đến 46 chỗ, ghế xe các loại, kính xe các loại. 8. Linh kiện, phụ tùng bằng kim loại phục vụ sản xuất các sản phẩm công nghiệp. 9. Linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất các thiết bị điện sử dụng nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo. 10. Khuôn mẫu, đồ gá có độ chính xác cao: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra.

NHÓM NGÀNH	SẢN PHẨM
	<p>11. Dụng cụ - dao cắt kỹ thuật cao: Dao điện, dao phay, dao tiện, mũi khoan, lưỡi mài.</p> <p>12. Phụ tùng, chi tiết máy kỹ thuật cao: Thân máy, pít-tông, trục, trục khuỷu, thanh truyền, bánh răng, van, ổ bi, bạc lót, khớp các loại, chi tiết đột dập, hộp biến tốc, xi lanh, bu lông, ốc vít.</p> <p>13. Bơm tăng áp, hệ thống phun nhiên liệu; bộ lọc nhiên liệu.</p> <p>14. Phôi hợp kim.</p>
Ngành cao su, nhựa	<p>1. Các sản phẩm nhựa, cao su kỹ thuật phục vụ ngành giao thông, cấp thoát nước và chống ngập của thành phố.</p> <p>2. Băng tải, dây curoa, ống cao su kỹ thuật.</p> <p>3. Bao bì nhựa kỹ thuật, bao bì đa lớp, bao bì phức hợp.</p> <p>4. Lớp ô tô; lớp xe máy xuất khẩu; sảm lớp kỹ thuật sử dụng cho máy công nghiệp, máy nông nghiệp.</p> <p>5. Vật liệu giảm chấn bằng cao su.</p> <p>6. Linh kiện, phụ tùng bằng nhựa kỹ thuật, cao su kỹ thuật phục vụ sản xuất các sản phẩm.</p> <p>7. Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa.</p>
Ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm	<p>1. Sản xuất các sản phẩm tinh được chế từ các nguyên liệu như: gia súc, gia cầm, thủy - hải sản và nông sản có hàm lượng giá trị gia tăng cao.</p> <p>2. Các thiết bị sản xuất ra các sản phẩm phụ gia thực phẩm (phụ gia ổn định màu, phụ gia tạo cấu trúc, phụ gia bảo quản); chích ly, chiết suất ra các hương liệu có hàm lượng giá trị gia tăng cao.</p>
Ngành Điện tử - Công nghệ thông tin	<p>1. Máy tính (máy tính cá nhân để bàn (desktop), máy chủ (server); máy tính xách tay (laptop), máy tính bảng (tablet),...).</p> <p>2. Máy móc, thiết bị thông tin và truyền thông (thiết bị phát thanh vô tuyến, truyền hình, viễn thông, điện thoại di động;...) thế hệ mới.</p> <p>3. Hệ thống thông tin giám sát, điều khiển phục vụ các chương trình đột phá của thành phố.</p> <p>4. Linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, điôt, ăngten, thyristor.</p> <p>5. Linh kiện thạch anh.</p> <p>6. Vi mạch điện tử.</p> <p>7. Linh kiện phục vụ công nghiệp lắp ráp sản phẩm điện tử: linh kiện nhựa, linh kiện cao su, chi tiết cơ - điện tử, linh kiện</p>

NHÓM NGÀNH	SẢN PHẨM
	kính. 8. Pin sản xuất theo công nghệ mới dùng cho ngành thông tin, tin học, dân dụng thay thế pin - ắc quy chì truyền thống, Pin mặt trời.
Ngành Dệt may	1. Xơ tổng hợp: PE, Viscose. 2. Sợi. 3. Vải kỹ thuật. 4. Hóa chất, chất trợ, chất tạo màu sử dụng trong hoàn tất vải. 5. Phụ liệu may phục vụ xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu: cúc, mex (keo định hình), khóa kéo, băng thun, nhãn mác, chỉ may, kim.
Ngành Da giày	Đế giày, mũ giày, chỉ may giày, tấm lót trong, khoen, khóa, móc, phom làm giày, keo dán giày phục vụ xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

II. Những dự án đầu tư mới, mở rộng sản xuất được ngân sách của Thành phố hỗ trợ 50% lãi suất:

1. Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cho các ngành sản xuất vật liệu composit, vật liệu mới có chất lượng cao.

2. Dự án Trung tâm triển lãm, giao dịch nguyên phụ liệu ngành dệt may, da giày.

3. Dự án Trung tâm thiết kế sản phẩm công nghiệp.

4. Các dự án cung cấp khí Gas (LNG, CNG, LPG), hóa chất đặc biệt cung cấp cho các nhà máy sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, phòng nghiên cứu - thí nghiệm.

PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI
VÀ PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
THEO CHƯƠNG TRÌNH KÍCH CẦU ĐẦU TƯ

Các dự án đầu tư mới, mở rộng sản xuất được ngân sách của Thành phố hỗ trợ 50% lãi suất:

1. Các dự án đầu tư hệ thống bán lẻ hàng hóa, sản phẩm thiết yếu tại các huyện ngoại thành.

2. Các dự án đầu tư xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; dự án đầu tư cơ sở giết mổ; sản xuất giống gia súc, gia cầm; dự án đầu tư cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; các dự án đầu tư công nghệ phục vụ ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

Các dự án phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường và sản phẩm của các dự án phải thuộc danh mục hoặc phục vụ cho sản xuất các mặt hàng thiết yếu theo Chương trình bình ổn giá cả thị trường và được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ, GIÁO DỤC
- ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ, VĂN HÓA VÀ THỂ THAO ĐƯỢC HỖ TRỢ
LÃI SUẤT THEO CHƯƠNG TRÌNH KÍCH CẦU ĐẦU TƯ

Các Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đầu tư mua sắm trang thiết bị được ngân sách của Thành phố hỗ trợ toàn bộ lãi suất:

1. Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa từ 100 giường bệnh trở lên.
2. Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học (các trường xây dựng mới phải đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành đối với từng cấp học, ngành học tương ứng).
3. Trường trung cấp và cao đẳng nghề;
4. Trường trung cấp chuyên nghiệp;
5. Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trường giáo dục chuyên biệt (khuyết tật);
6. Công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc, nhà văn hóa, bảo tàng, thư viện, công trình vui chơi giải trí phục vụ thiếu nhi) đạt chuẩn cấp II trở lên theo tiêu chí phân cấp của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp, phân loại công trình xây dựng (riêng công trình nhà hát, rạp chiếu phim hoặc cụm rạp chiếu phim của một dự án trên cùng một địa điểm đầu tư có quy mô tổng số chỗ ngồi trên 1.000 chỗ).
7. Cơ sở thể dục, thể thao nhằm mục tiêu đào tạo, huấn luyện các vận động viên thành tích cao cấp quốc gia, quốc tế và đạt tiêu chuẩn thi đấu theo quy định (không bao gồm các dự án đầu tư xây dựng sân golf).

PHỤ LỤC V
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC HẠ TẦNG
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
THEO CHƯƠNG TRÌNH KÍCH CẦU ĐẦU TƯ

I. Các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ hiện đại được ngân sách của Thành phố hỗ trợ toàn bộ lãi suất:

1. Dự án đầu tư xây dựng ký túc xá cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học; xây dựng nhà ở cho công nhân làm việc tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

2. Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải, cơ sở xử lý chất thải của các bệnh viện, các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp; dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung; các dự án tái chế chất thải đảm bảo các tiêu chuẩn công nghệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và phù hợp với quy hoạch của Thành phố.

3. Các dự án đầu tư xây dựng trung tâm hòa táng trên địa bàn Thành phố.

4. Các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung.

5. Các dự án xây dựng nhà xưởng cao tầng để cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, 4 ngành nghề công nghiệp trọng yếu và các dự án thuộc cơ sở phải di dời ô nhiễm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố thuê trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu công nghệ thông tin tập trung. Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp hỗ trợ trong các khu công nghiệp.

6. Các dự án phát triển mạng lưới cấp nước 2; dự án đầu tư trang thiết bị lọc nước công nghệ Nano phục vụ cho các hộ dân thuộc các huyện ngoại thành.

II. Những dự án đầu tư mới, mở rộng sản xuất được ngân sách của Thành phố hỗ trợ 50% lãi vay:

1. Các dự án cải tạo và nâng cấp lưới điện hiện hữu; hệ thống ngầm hóa cáp viễn thông trên địa bàn trung tâm Thành phố, trung tâm quận - huyện và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố (các dự án phải thực hiện đồng bộ với kế hoạch ngầm hóa lưới điện đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt); các nhà máy phát điện

sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo (xử lý chất thải) phù hợp quy hoạch ngành được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Các dự án đầu tư lắp ráp, đóng mới phương tiện vận tải sử dụng công nghệ mới, hiện đại (sử dụng khí Gas: LNG, CNG, LPG), bảo vệ môi trường.

3. Các dự án đầu tư xây dựng, khai thác bến bãi giao thông tĩnh theo quy hoạch trên địa bàn Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khai thác, phát triển vận tải khách du lịch đường thủy trên địa bàn Thành phố (cảng bến, phương tiện).

PHỤ LỤC VI
MẪU KHAI ĐĂNG KÝ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH
KÍCH CẦU ĐẦU TƯ

CÔNG TY

Số: ____/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

V/v đề nghị tham gia
 Chương trình kích cầu
 thông qua dự án đầu tư.

T.P Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm 20...

Kính gửi :

I. Thông tin về Chủ đầu tư:

- Tên doanh nghiệp (đơn vị):
- Cơ quan chủ quản cấp trên của chủ đầu tư (nếu có).....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... Ngày
- do..... cấp.
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax:
- Ngành nghề hiện đang sản xuất kinh doanh, hoạt động:
-
- Tình hình tài chính trong 3 năm liền (đối với các đơn vị SX-KD):

Chỉ tiêu	Năm ...	Năm ...	Ước năm ...
I. Kết quả kinh doanh			
1. Doanh thu			
2. Doanh thu xuất khẩu			

3. Tổng lợi nhuận ròng(sau thuế)			
4. Nợ ngân sách			
II. Bảng cân đối kế toán			
1. Tài sản lưu động			
2. Tài sản cố định			
3. Nợ ngắn hạn			
4. Nợ dài hạn			
5. Vốn chủ sở hữu			

II. Dự án đầu tư:

1. Tên dự án:

2. Sự cần thiết phải đầu tư:

- Mục tiêu đầu tư (lĩnh vực đầu tư, ngành nghề, sản phẩm...):

- Công suất thiết kế hoặc quy mô đầu tư:.....

- Thị trường tiêu thụ (đối với dự án SXKD)

+ Thị trường xuất khẩu (cụ thể quốc gia):%

+ Thị trường nội địa:%

3. Hình thức đầu tư:

+ Đầu tư xây dựng mới:

+ Đầu tư chiều sâu (đổi mới công nghệ-thiết bị):

+ Nâng cấp, mở rộng cơ sở đã có:

4. Địa điểm đầu tư:

5. Diện tích khu đất (m²):

6. Diện tích sàn xây dựng (m²):

7. Các hạng mục công trình xây dựng chủ yếu:

+ Nhà xưởng sản xuất: m².

+ Kho chứa hàng: m².

8. Công nghệ-thiết bị:

8.1. Công nghệ:

+ Mô tả phương án công nghệ, quy trình sản xuất được lựa chọn.

+ Phân tích, đánh giá mức độ hiện đại, tính thích hợp kinh tế, các ưu việt và hạn chế của công nghệ được lựa chọn.

8.2. Thiết bị: danh mục máy móc, thiết bị sản xuất chính và tính năng, thông số kỹ thuật chủ yếu.

9. Tổng vốn đầu tư:

- Vốn cố định: + Xây lắp:

+ Thiết bị:

+ Chi phí khác:

- Vốn lưu động ban đầu cho sản xuất (nếu có):

10. Nguồn vốn đầu tư:

10.1. Vốn cố định:

+ Tự có của chủ đầu tư:

+ Vay tín dụng:

+ Khác (nếu có):.....

10.2. Vốn lưu động:.....

+ Tự có của chủ đầu tư:

+ Vay tín dụng:

+ Khác (nếu có):.....

11. Thời gian vay vốn để đầu tư:.....

12. Kết luận về tính khả thi của dự án:

13. Đề nghị của Chủ đầu tư:

- Số vốn vay được Ngân sách hỗ trợ lãi suất:

- Mức lãi suất đề nghị hỗ trợ:

- Thời gian hỗ trợ: năm , bắt đầu từ năm:.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định theo Điều 10 của Quyết định số/2015/QĐ-UBND và cam đoan các nội dung khai nêu trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung khai nêu trên.

TP.Hồ Chí Minh, ngàytháng năm 20...

Đại diện chủ đầu tư

(Ghi rõ họ tên và chức vụ, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế
cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 20279/TTr-SLĐTBXH-XH ngày 15 tháng 12 năm 2014, Tờ trình số 13242/TTr-SLĐTBXH-XH ngày 06 tháng 7 năm 2015 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 6606/STP-VB ngày 24 tháng 11 năm 2014, Công văn số 2881/STP-KTrVB ngày 09 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

**Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội
tại cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Điều 1. Quy trình, thành phần hồ sơ và cơ quan thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng

1. Cấp mới, cắt giảm thẻ bảo hiểm y tế:

a) Cơ quan thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

b) Thành phần hồ sơ: thực hiện theo Quyết định số 2103/QĐ-BHXH ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về ban hành quy định tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 3894/TB-BTXH ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về điều chỉnh quy trình tiếp nhận và trả kết quả và phiếu giao nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa.

c) Quy trình:

- Trên cơ sở Quyết định trợ cấp, thôi, ngừng trợ cấp xã hội hàng tháng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành văn bản (kèm danh sách) đề nghị Bảo hiểm xã hội quận, huyện cấp mới hoặc cắt giảm thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đề nghị của Ủy ban nhân dân quận, huyện, Bảo hiểm xã hội quận, huyện cấp mới hoặc cắt giảm thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng và chuyển giao thẻ cấp mới hoặc gửi danh sách cắt giảm đối tượng đã được xác nhận cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện.

- Căn cứ số thẻ bảo hiểm y tế cấp mới, cắt giảm hàng tháng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện xây dựng, cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu thẻ bảo hiểm y tế hiện diện của đối tượng.

Đối với trường hợp cấp mới thẻ bảo hiểm y tế cho những đối tượng đang điều trị tại bệnh viện, Bảo hiểm xã hội quận, huyện thụ lý, giải quyết nhanh trong ngày làm việc.

2. Gia hạn giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế:

a) Cơ quan thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

b) Thành phần hồ sơ: thực hiện theo Quyết định số 2103/QĐ-BHXH ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về ban hành quy định tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 3894/TB-BTXH ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về điều chỉnh quy trình tiếp nhận và trả kết quả và phiếu giao nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa.

c) Quy trình:

- Trên cơ sở dữ liệu thẻ bảo hiểm y tế hiện diện của đối tượng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện đối chiếu với Bảo hiểm xã hội quận, huyện và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành văn bản (*kèm danh sách*) đề nghị Bảo hiểm xã hội quận, huyện gia hạn giá trị sử dụng cho thẻ bảo hiểm y tế sang năm kế tiếp. Thời hạn gửi văn bản đề nghị đến Bảo hiểm xã hội quận, huyện chậm nhất là ngày 10 tháng 12 hàng năm.

- Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, Bảo hiểm xã hội quận, huyện cấp thẻ bảo hiểm y tế đã được gia hạn. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện tiếp nhận thẻ bảo hiểm y tế đã được gia hạn từ Bảo hiểm xã hội quận, huyện và chuyển giao về Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để tổ chức cấp phát cho các đối tượng trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đối với những đối tượng đủ kiện kiện đề xuất cấp thẻ bảo hiểm y tế trong năm (đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng), nhưng phát sinh sau ngày chốt danh sách gia hạn thẻ bảo hiểm y tế, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và Bảo hiểm xã hội quận, huyện phối hợp cấp bổ sung thẻ bảo hiểm y tế có giá trị đến ngày 31 tháng 12 của năm hiện tại; đồng thời Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận,

huyện lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế có giá trị từ ngày 01 tháng 01 của năm kế tiếp cho những đối tượng này.

Đối với trường hợp gia hạn, bổ sung thẻ bảo hiểm y tế cho những đối tượng đang điều trị tại bệnh viện, Bảo hiểm xã hội quận, huyện thụ lý, giải quyết nhanh trong ngày làm việc.

3. Điều chỉnh thông tin nhân thân, thay đổi nơi khám chữa bệnh ban đầu trên thẻ bảo hiểm y tế:

a) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

b) Thành phần hồ sơ: thực hiện theo Quyết định số 2103/QĐ-BHXH ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về ban hành quy định tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 3894/TB-BTXH ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về điều chỉnh quy trình tiếp nhận và trả kết quả và phiếu giao nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa.

c) Quy trình:

- Trên cơ sở rà soát, phát hiện sai sót thông tin của số thẻ cấp mới, thẻ gia hạn do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện chuyển giao hoặc từ việc tiếp nhận đơn đề nghị điều chỉnh thông tin nhân thân, thay đổi nơi khám chữa bệnh ban đầu của đối tượng, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn ban hành văn bản (*kèm danh sách*) đề nghị Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện các điều chỉnh, thay đổi.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc (đối với hồ sơ điều chỉnh thông tin nhân thân) và 04 ngày làm việc (đối với hồ sơ thay đổi nơi khám chữa bệnh ban đầu) kể từ khi tiếp nhận đề nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện các điều chỉnh, thay đổi và chuyển giao thẻ bảo hiểm y tế. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp nhận thẻ bảo hiểm y tế đã được điều chỉnh, thay đổi từ Bảo hiểm xã hội quận, huyện và tổ chức cấp phát cho đối tượng; đồng thời có văn bản (*kèm danh sách*) đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện cập nhật vào cơ sở dữ liệu thẻ bảo hiểm y tế hiện diện của đối tượng.

- Trên cơ sở văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện cập nhật việc thay đổi, điều chỉnh vào cơ sở dữ liệu thẻ bảo hiểm y tế hiện diện của đối tượng.

Đối với trường hợp điều chỉnh thông tin nhân thân, thay đổi nơi khám chữa bệnh ban đầu cho những đối tượng đang điều trị tại bệnh viện, Bảo hiểm xã hội quận, huyện thụ lý, giải quyết nhanh trong ngày làm việc.

4. Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế do bị mất; cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế do bị rách hoặc hỏng:

a) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

b) Thành phần hồ sơ: thực hiện theo Quyết định số 2103/QĐ-BHXH ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về ban hành quy định tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 3894/TB-BTXH ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về điều chỉnh quy trình tiếp nhận và trả kết quả và phiếu giao nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa.

c) Quy trình:

- Trên cơ sở đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn ban hành văn bản (*kèm danh sách*) đề nghị Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện cấp lại, cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế.

- Trong thời gian 04 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đề nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện việc cấp lại, cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng.

Đối với trường hợp cấp lại, cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế cho những đối tượng đang điều trị tại bệnh viện, Bảo hiểm xã hội quận, huyện thụ lý, giải quyết nhanh trong ngày làm việc.

5. Thanh toán kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế:

a) Cơ quan thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện và Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

b) Quy trình:

- Trên cơ sở kết quả đối chiếu, thống nhất số liệu thẻ bảo hiểm y tế trong tháng giữa Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và Bảo hiểm xã hội quận, huyện, chậm nhất ngày 05 của tháng sau, Bảo hiểm xã hội quận, huyện gửi cho Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện:

+ Thông báo kinh phí thanh toán mua bảo hiểm y tế trong tháng của từng phường, xã, thị trấn trên địa bàn.

+ Biên bản thống nhất số liệu cấp trùng thẻ bảo hiểm y tế trong tháng của toàn quận, huyện (nếu có).

+ Bảng Tổng hợp kinh phí thanh toán mua thẻ bảo hiểm y tế trong tháng của toàn quận, huyện.

+ Tập tin dữ liệu các danh sách: đầu kỳ các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế; tăng, giảm, trùng (nếu có) trong kỳ; lũy kế cuối kỳ các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế.

- Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ các văn bản và tập tin dữ liệu nêu trên, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện chuyển tiền mua thẻ bảo hiểm y tế trong tháng vào tài khoản của Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

Điều 2. Trách nhiệm của các Sở - ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì phối hợp các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai công tác phân cấp việc thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng. Thời gian các quận, huyện thực hiện nhiệm vụ này bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2015.

b) Phối hợp với các Sở - ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các quy định pháp luật về chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng sau khi phân cấp.

2. Bảo hiểm xã hội Thành phố:

a) Chi đạo Bảo hiểm xã hội quận, huyện phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng theo quy trình đã phân cấp.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn việc rà soát, đối chiếu số đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế; cách tính kinh phí và

phương thức thanh toán kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo các quy định tài chính hiện hành.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện hồ sơ, thủ tục theo Quyết định số 2103/QĐ-BTXH ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về ban hành quy định tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 3894/TB-BTXH ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bảo hiểm xã hội Thành phố về điều chỉnh quy trình tiếp nhận và trả kết quả và phiếu giao nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa.

d) Hướng dẫn, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện việc rà soát thẻ bảo hiểm y tế cấp trùng bằng phần mềm quản lý trên cơ sở danh sách đề nghị cấp mới, gia hạn thẻ do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện chuyển sang.

đ) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện việc cập nhật, cung cấp thường xuyên những thông tin về chế độ bảo hiểm y tế (cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và lựa chọn cơ sở khám, chữa bệnh ban đầu; các chế độ khám, chữa bệnh khi tham gia bảo hiểm y tế liên tục, v.v...) cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn bằng nhiều hình thức phù hợp.

3. Sở Tài chính:

Hướng dẫn lập dự toán, thẩm định quyết toán thu chi và bố trí ngân sách hàng năm để quận, huyện thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Ký kết với Bảo hiểm xã hội quận, huyện hợp đồng mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn quản lý.

b) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng theo quy trình đã phân cấp. Trong quá trình phối hợp thực hiện cấp mới, gia hạn giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện

có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin cần thiết cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện để phục vụ việc vận hành chức năng lọc thẻ trùng trong phần mềm quản lý của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

c) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chế độ bảo hiểm y tế về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong quá trình cập nhật danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng, cần rà soát, đối chiếu trước khi chuyển Bảo hiểm xã hội đề nghị cấp thẻ.

d) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện lập dự toán, thực hiện quyết toán thu chi ngân sách nhà nước đối với khoản thu chi có liên quan đến chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng.

đ) Chỉ đạo Phòng Nội vụ quận, huyện tham mưu việc bố trí, tăng cường cán bộ thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn quận, huyện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về sửa đổi Khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo
Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức danh và
chế độ, chính sách đối với Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiên phong
Hồ Chí Minh trong các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và
Trợ lý thanh niên tại Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận - huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4171/TTr-SNV ngày 06 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau: “Tổng phụ trách Đội được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định tại Điểm b, c, d Khoản 2 Mục II Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối

với cán bộ, công chức, viên chức và được hỗ trợ thêm một phần kinh phí trích từ nguồn thu sự nghiệp của nhà trường để bằng với phụ cấp chức vụ của Phó Hiệu trưởng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4907/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6 thuộc Khu đô thị mới
Thủ Thiêm, Quận 2****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 liên quan đến Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6:

+ Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2.

+ Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh cục bộ các Lô: 6-3; 6-4; 6-6; 6-7; 6-8; 6-9; 6-10; 6-11 theo Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

+ Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh cục bộ lô 5-4 theo Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ QHPK tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Căn cứ các văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố trong quá trình thực hiện quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với Khu chức năng số 5:

+ Công văn số 3500/UBND-ĐTMT ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận loại hình nhà thấp tầng là loại nhà biệt thự theo Công văn số 652/BQL-QH ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm đối với dự án Khu nhà thấp tầng (Khu II) thuộc Khu dân cư phía Nam đường Mai Chí Thọ do Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh làm chủ đầu tư;

+ Công văn số 4915/UBNDTP ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh một số nội dung của Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án khu nhà ở thấp tầng thuộc khu dân cư phía Nam Đại lộ Đông Tây (Khu II) trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm do Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh làm chủ đầu tư và Công văn số 835/BQL-QH ngày 13 tháng 9 năm 2012 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm về điều chỉnh một số nội dung của Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu nhà ở thấp tầng thuộc khu dân cư phía Nam Đại lộ Đông Tây (Khu II);

Căn cứ các văn bản chấp thuận của UBND Thành phố trong quá trình thực hiện quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với Khu chức năng số 6:

+ Công văn số 3620/UBND-ĐTMT ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở thấp tầng thuộc Khu dân cư phía Nam đường Mai Chí Thọ (Khu III) và Khu Thương mại đa chức năng dọc đường Mai Chí Thọ (Khu IIIA) do Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh là chủ đầu tư tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2; và Công văn số 1029/BQL-QH ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm về nội dung Nhiệm vụ quy hoạch 1/500 Khu nhà ở thấp tầng phía Nam đường Mai Chí Thọ (Khu III) và Khu Thương mại đa chức năng dọc đường Mai Chí Thọ (Khu IIIA);

+ Công văn số 275/UBND-ĐTMT ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của 11 lô đất thuộc Khu chức năng số 6, Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Công văn số 63/BQL-QH ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm về việc Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh đề xuất nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của 11 lô đất thuộc Khu chức năng số 6 trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Căn cứ các Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm đối với Khu chức năng số 5:

+ Quyết định số 143/QĐ-BQL ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà thấp tầng (Khu II) thuộc Khu dân cư phía Nam đường Mai Chí Thọ do Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh làm chủ đầu tư;

+ Quyết định số 743/QĐ-BQL ngày 19 tháng 06 năm 2015 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà thấp tầng (Khu II) thuộc Khu dân cư phía Nam đường Mai Chí Thọ do Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh làm chủ đầu tư;

+ Công văn số 1117/BQL-QH ngày 24 tháng 7 năm 2013 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm về việc ý kiến quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình Khu cao ốc Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ tại lô 5-4, 5-5 (Khu IIA) trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2;

Căn cứ các văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố trong quá trình thực hiện quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với Khu chức năng số 6:

+ Quyết định số 1527/QĐ-BQL ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm về duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà thấp tầng (Khu III) thuộc Khu dân cư phía Nam đường Mai Chí Thọ và Cao ốc Văn phòng, Thương mại Dịch vụ tổng hợp tại Lô 6-12, 6-13, 6-14 Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

+ Quyết định số 1656/QĐ-BQL ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1527/QĐ-BQL ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà thấp tầng (Khu III) thuộc Khu dân cư phía Nam đường Mai Chí Thọ và Cao ốc Văn phòng, Thương mại Dịch vụ tổng hợp tại Lô 6-12, 6-13, 6-14 Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

+ Quyết định số 122/QĐ-BQL ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm về phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở phức hợp, Thương mại dịch vụ tổng hợp đa chức năng và Bệnh viện quốc tế của 11 lô đất (6-1, 6-2, 6-3; 6-4; 6-5, 6-6; 6-7; 6-8; 6-9; 6-10; 6-11) trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Căn cứ Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi Quyết định cho Công ty Cổ phần Phát triển nguồn lực Việt - Nhật thuê đất để đầu tư xây dựng Khu Công viên tri thức Việt Nhật tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch- Kiến trúc tại Tờ trình số 3621/TTr-SQHKT ngày 02 tháng 10 năm 2015 về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6 - Khu đô thị Thủ Thiêm, Quận 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6 thuộc Khu đô thị Thủ Thiêm, gồm các nội dung sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6 thuộc đồ án Quy hoạch phân khu Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

2. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

3. Hồ sơ bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch trình phê duyệt:

- Bản đồ vị trí, phạm vi khu vực điều chỉnh cục bộ (trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã được phê duyệt);
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất theo phương án điều chỉnh.

4. Mục tiêu của công tác điều chỉnh quy hoạch

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về quy hoạch, pháp lý hóa các chủ trương và các chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trong Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6;

- Trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận một số đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch của Nhà đầu tư trong khi triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết TL 1/500 tại 5 lô đất phía Nam dọc đường Mai Chí Thọ (Lô 5-4, 5-5 và Lô 6-12, 6-13, 6-14).

5. Các giải pháp chủ yếu và hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Cụ thể hóa các loại hình nhà ở nhằm tăng tính khả thi của dự án, thúc đẩy tiến độ đầu tư vào Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Mô hình nhà ở chủ yếu tại phía Nam đường Mai Chí Thọ được xác định là loại hình nhà biệt thự, nhà thấp tầng kết hợp thương mại, chung cư;

- Chuyển đổi một tỷ lệ phù hợp diện tích sàn thương mại sang sàn căn hộ nhưng không làm thay đổi tính chất đô thị của khu vực;

- Chuyển đổi chức năng sử dụng đất tại phần còn lại của Khu công viên phần mềm (2 lô đất 6-2 và 6-5) thành Khu phức hợp đa chức năng;

- Điều chỉnh tăng quy mô tổng diện tích sàn xây dựng của các công trình giáo dục, y tế, văn hóa đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ tương ứng quy mô dân số trong khu vực quy hoạch;

- Gia tăng tầng cao của một số khối tháp nhằm tạo không gian điểm nhấn đô thị;

- Bổ sung diện tích sàn thương mại ở tầng hầm nhằm tạo các công trình hiện đại, tăng hiệu quả kinh tế.

6. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

6.1 Về tính chất đô thị và quy mô dân số

- Tính chất đô thị: là khu vực văn phòng, hành chính, thương mại, dịch vụ, văn hóa, giáo dục và nhà ở. Những công trình kiến trúc tương đối lớn được bố cục hai bên đại lộ Mai Chí Thọ có chức năng như là điểm nhấn kiến trúc, tạo ra cửa ngõ của Khu đô thị mới Thủ Thiêm từ Quận 1 và Quận 2. Khu dân cư được bố trí chủ yếu ở phía Bắc và ở phía Nam. Khu dân cư ở phía Nam có mật độ thấp hơn;

- Dân số đô thị: giữ nguyên dân số đô thị đã được duyệt tại các Quyết định điều chỉnh cục bộ trước đây (Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Quyết định 2540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố). Cụ thể như sau:

+ Dân số cư trú thường xuyên: khoảng 27.340 người, giữ nguyên theo các Quyết định quy hoạch phân khu đã duyệt;

+ Dân số tạm trú: tăng từ 1.720 người thành khoảng 2.120 người, tăng khoảng 300 người;

+ Số người làm việc : khoảng 48.232 người, giữ nguyên theo các Quyết định quy hoạch phân khu đã duyệt.

6.2 Về cơ cấu sử dụng đất:

Bảng tổng hợp sử dụng đất trên cả hai Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6:

STT	Loại đất	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (Quyết định số 3165/QĐ-UBND; Quyết định số 2540/QĐ-UBND và Quyết định số 3336/QĐ-UBND)	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 5	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 6	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)(m ²)	(4)(m ²)	(5)(m ²)	(6)(m ²)	(7)(m ²)
A	Tổng diện tích các lô đất phát triển	643.737			636.493	-7.244
	Trong đó :					

STT	Loại đất	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (Quyết định số 3165/QĐ-UBND; Quyết định số 2540/QĐ-UBND và Quyết định số 3336/QĐ-UBND)	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 5	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 6	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6	Chênh lệch
	+ Khu chức năng số 5	293.277	286.785		286.785	-6.492
	+ Khu chức năng số 6	350.460		349.708	349.708	-752
	Bao gồm các loại đất					
1	Đất ở	436.603	144.143	265.261	409.404	-27.199
	Thương mại đa chức năng	129.739	0	83.057	83.057	-46.682
	Dân cư	306.864	144.143	182.204	326.347	+19.483
2	Đất công trình dịch vụ đô thị	207.134	142.642	84.447	227.089	+19.955
2,1	Đất công trình dịch vụ đô thị (cấp khu ở)	76.050	48.667	25.579	74.246	-1.804
	- Công trình văn hóa	12.476	5.819	6.200	12.019	-457
	- Trường học	60.684	39.958	19.379	59.337	-1.347
	- Cơ quan hành chính cấp phường	2.890	2.890	0	2.890	0
2,2	Đất công trình dịch vụ đô thị (cấp Thành phố)	131.084	93.975	58.868	152.843	+21.759
	- Thương mại	8.656	28.925	19.551	48.476	+39.820
	- Bệnh viện	39.354	0	39.317	39.317	-37

STT	Loại đất	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (Quyết định số 3165/QĐ-UBND; Quyết định số 2540/QĐ-UBND và Quyết định số 3336/QĐ-UBND)	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 5	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 6	Đề xuất điều chỉnh cục bộ Khu chức năng số 5 và Khu chức năng số 6	Chênh lệch
	quốc tế					
	-Công trình công cộng	65.050	65.050	0	65.050	0
	-Công viên phần mềm	18.024	0	0	0	-18.024
B	Đất cây xanh phục vụ công cộng (công viên khu ở)	17.066	7.809	11.268	19.077	+2.011
C	Đất giao thông	363.147	173.796	194.584	368.380	+5.233

7. Về các chỉ tiêu sử dụng đất:

Đối với Khu chức năng số 5:

STT	Loại đất	Quyết định quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (Quyết định số 3165/QĐ-UBND và Quyết định số 2540/QĐ-UBND)	Đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu	Chênh lệch
(1)	(2)	(3) (m ²)	(4) (m ²)	(5) (m ²)
1	Tổng diện tích đất dành cho phát triển dự án	293.277	286.785	-6.492
2	Tổng diện tích sàn xây dựng trên mặt đất	438.860	517.596	+78.736
3	- Tổng diện tích sàn nhà ở	240.100	260.400	+20.300
4	- Tổng diện tích sàn thương mại, văn phòng	136.900	151.956	+15.056
5	- Tổng diện tích sàn các công	61.860	104.850	+42.990

STT	Loại đất	Quyết định quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (Quyết định số 3165/QĐ-UBND và Quyết định số 2540/QĐ-UBND)	Đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu	Chênh lệch
	trình công cộng			
5.1	+Công trình văn hóa	1.500	7.170	+5.670
5.2	+Công trình giáo dục	20.000	57.320	+37.320
5.3	+Công trình hành chính	1.500	1.500	0
5.4	+CTCC cấp Thành phố	38.860	38.860	0
6	- Diện tích sàn xây dựng trong công viên	0	390	+390
7	Hệ số sử dụng đất thuần	1,47	1,80	+0,33
8	Số lượng căn hộ ở	1.280	1.051	-229
8.1	Chung cư	1.280	758	-522
8.2	Nhà riêng biệt	0	293	+293
9	Tầng cao tối đa	10	20	+10
10	Tầng cao tối thiểu	0	3	3
11	Tầng cao khối đế (khối bộ)	4	3-4	0
12	Tổng diện tích sàn tầng hầm	233.459	Xác định tại thiết kế cơ sở	
12.1	- Kỹ thuật, đậu xe	0	Xác định tại thiết kế cơ sở	
12.2	- Thương mại	0	Xác định tại thiết kế cơ sở	
13	Số tầng hầm	1	1-4	+3
14	Tỷ lệ % sàn nhà ở	56%	50%	0
15	Tỷ lệ % sàn thương mại	30%	29%	0
16	Tỷ lệ % sàn CTCC	14%	20%	0
17	Số chỗ đậu xe chung cư	1.952	Theo Quy định	
18	Số chỗ đậu xe thương mại	1.306	Theo Quy định	

STT	Loại đất	Quyết định quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (Quyết định số 3165/QĐ-UBND và Quyết định số 2540/QĐ-UBND)	Đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu	Chênh lệch
19	Dân số cư trú	10.245	4.002	-6.243
20	Dân số tạm trú (căn hộ cho thuê)	0	0	0
21	Số người làm việc	9.432	11.752	+2.320

Đối với Khu chức năng số 6:

STT	Loại đất	Quyết định quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (Quyết định số 3165/QĐ-UBND và Quyết định số 3336/QĐ-UBND)	Đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu	Chênh lệch
(1)	(2)	(2)(m ²)	(3) (m ²)	(4) (m ²)
1	Tổng diện tích đất dành cho phát triển dự án	350.460	349.708	-752
2	Tổng diện tích sàn xây dựng trên mặt đất	1.170.044	1.376.925	+206.881
3	- Tổng diện tích sàn nhà ở	508.724	768.523	+259.799
4	- Tổng diện tích sàn thương mại, văn phòng	574.820	503.947	-70.873
5	- Tổng diện tích sàn các công trình công cộng	86.500	104.455	+17.955
5.1	+Công trình văn hóa	1.500	6.200	+4.700
5.2	+Công trình giáo dục	10.000	23.255	+13.255
5.3	+Công trình hành chính	-	-	-
5.4	+CTCC cấp Thành phố	75.000	75.000	0
6	- Diện tích sàn xây dựng trong công viên	-	-	-
7	Hệ số sử dụng đất thuần	3,34	3,94	+0,60

STT	Loại đất	Quyết định quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (Quyết định số 3165/QĐ-UBND và Quyết định số 3336/QĐ-UBND)	Đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu	Chênh lệch
8	Số lượng căn hộ ở	3.101	5.217	+4.043
8.1	Chung cư	3.101	4.881	+1.780
8.2	Nhà riêng biệt	0	336	+336
9	Tầng cao tối đa	30	32	+2
10	Tầng cao tối thiểu	4	3	-1
11	Tầng cao khối đế (khối bệ)	4	3-4	0
12	Tổng diện tích sàn tầng hầm	366.282	Xác định tại thiết kế cơ sở	
12.1	- Kỹ thuật, đậu xe	0	Xác định tại thiết kế cơ sở	
12.2	- Thương mại	0	Xác định tại thiết kế cơ sở	
13	Số tầng hầm	2	Xác định tại thiết kế cơ sở	
14	Tỷ lệ % sàn nhà ở	43%	56%	+13%
15	Tỷ lệ % sàn thương mại	49%	37%	-12%
16	Tỷ lệ % sàn CTCC	7%	8%	+1%
17	Số chỗ đậu xe chung cư	1.762	theo quy định	theo quy định
18	Số chỗ đậu xe thương mại	6.953	theo quy định	theo quy định
19	Dân số cư trú	17.095	18.759	+1.664
20	Dân số tạm trú (căn hộ cho thuê)	1.720	2.108	+388
21	Số người làm việc	38.800	33.222	-5.578

7. Về quy hoạch giao thông :

Điều chỉnh một số lộ giới đường

- Đối với Khu chức năng số 5 :

+ Giữ nguyên trục đường Bắc Nam lộ giới 44,7m (8,1m+28,5m+8,1m), các tuyến đường nội bộ dân cư lộ giới 22,6m (5m+12,6m+5m);

+ Điều chỉnh tuyến đường nội bộ kết nối khu vực tăng lộ giới từ 22,6m thành 24,6m (5m+14,6m+5m);

+ Bổ sung các tuyến đường nội bộ khu dân cư lộ giới 14m (3,5m+7m+3,5m) và 18m (3,5m+11m+3,5m), các tuyến đường nội bộ khu nhà phố thương mại lộ giới 7m.

- Đối với Khu chức năng số 6:

Tại Phía Bắc đường Mai Chí Thọ:

+ Điều chỉnh hướng tuyến đường nội bộ đô thị R5 lộ giới 26,6m (7m+12,6m+7m);

+ Điều chỉnh bố cục các tuyến đường nội bộ đô thị lộ giới 26,6m (7m+12,6m+7m);

+ Bổ sung tuyến đường nội bộ kết hợp đi bộ lộ giới 29m giữa các lô 6-4, 6-5; 6-8, 6-9 và 6-2, 6-3 hướng từ đường Mai Chí Thọ ra công viên rạch Cá Trê.

- Tại Phía Nam đường Mai Chí Thọ:

+ Giữ nguyên các tuyến đường nội bộ dân cư lộ giới 22,6m;

+ Điều chỉnh tuyến đường nội bộ kết nối khu vực tăng lộ giới từ 22,6m thành 24,6m (5m+14,6m+5m);

+ Bổ sung các tuyến đường nội bộ khu dân cư lộ giới 14m (3,5m+7m+3,5m) và 18m (3,5m+11m+3,5m), các tuyến đường nội bộ khu nhà phố thương mại lộ giới 7m.

9. Về các nội dung điều chỉnh khác:

9.1. Về diện tích sàn tầng hầm:

Trong bước lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc Thiết kế cơ sở cần được xác định về quy mô và chức năng tầng hầm theo các nguyên tắc như sau :

- Số lượng hầm có thể thay đổi so với quy định tại Hướng dẫn thiết kế đô thị trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật về quản lý không gian ngầm đô thị, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng ngầm.

- Đảm bảo đủ chỗ đậu xe, theo quy định :

+ Khu chung cư: 1,5 chỗ đậu ô tô/ căn hộ

+ Khu thương mại, văn phòng, dịch vụ: 1 chỗ đậu xe ô tô/125 m² sàn (hoặc 100 m² sàn hữu dụng).

+ Khu công trình công cộng: 1 chỗ đậu xe ô tô/200 m² sàn (hoặc 150 m² sàn hữu dụng)

+ Diện tích chỗ đậu xe trung bình : 25m²/xe ô tô.

- Tầng hầm dành cho mục đích thương mại được cho phép tăng, tuy nhiên, cần đảm bảo điều kiện phòng cháy chữa cháy, thoát nạn và thực hiện nghĩa vụ tài chính về sử dụng đất.

9.2. Về tỷ lệ phần trăm sàn nhà ở và sàn thương mại, dịch vụ tổng hợp:

- Tỷ lệ phần trăm sàn nhà ở và sàn thương mại, dịch vụ tổng hợp có thể linh hoạt chuyển đổi qua lại giữa lô đất này và lô đất khác trên nguyên tắc không làm thay đổi tính chất, chức năng sử dụng chính của khu vực; không tăng tổng diện tích sàn xây dựng trên mặt đất, không thay đổi tổng diện tích sàn ở và sàn thương mại, không thay đổi tỷ lệ tổng thể giữa sàn ở và sàn thương mại tổng thể.

- Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm tiếp tục rà soát trong quá trình thực hiện quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và thiết kế cơ sở sao cho đảm bảo phù hợp với các thông số đầu vào của việc thẩm định giá đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính bổ sung.

- Số lượng căn hộ có thể điều chỉnh linh hoạt trên cơ sở đảm bảo số chỗ đậu xe theo quy định.

9.3 Về quy hoạch tầng cao, chiều cao:

- Số tầng cao, chiều cao của các loại hình nhà ở liên kế, nhà ở biệt thự phải tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc bố trí tầng cao tuân thủ nguyên tắc quy hoạch tầng cao của Khu đô thị mới Thủ Thiêm và theo Hướng dẫn thiết kế đô thị. Trong trường hợp cụ thể, một số điểm nhân cao tầng được xem xét thay đổi cụ thể tại từng vị trí lô đất và phải được

chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Đối với các tòa nhà đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 có cách ghi tầng cao chưa phù hợp quy định QCVN 03/2012, sẽ được điều chỉnh lại cộng thêm 2 tầng.

- Chấp thuận để tạo điểm nhân cao tầng tại giao lộ chính là đại lộ Bắc Nam và đường Mai Chí Thọ. Cụ thể Lô 5-4 từ 14 tầng lên 17 tầng; Lô 5-5 từ 14 tầng lên 20 tầng.

9.4. Quy định về khoảng lùi:

- Việc thay đổi khoảng lùi có thể được xem xét thay đổi trên nguyên tắc không làm giảm tiện nghi, sự thuận tiện cho người đi bộ, (chỗ trú mưa, nắng, đi lại ngăn nắp), không làm mất đi sự đồng bộ trên tuyến phố.

Điều 2. Các nội dung khác không được đề cập, vẫn giữ nguyên và thực hiện theo các Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Quyết định số 5193/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ quy hoạch được nêu tại Khoản 3, Điều 1 Quyết định này.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, cơ quan có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch đô thị cần phải công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) này theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở - Ban - Ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường Bình An, Bình Khánh, Thủ Thiêm, An Khánh, An Phú, An Lợi Đông, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5616/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về bãi bỏ Công văn số 5344/UBND-VX ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về định biên các chức danh trong tổ chức bộ máy các trường học tại Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2939/GDĐT-TC ngày 15 tháng 9 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3956/TTr-SNV ngày 19 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Công văn số 5344/UBND-VX ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về định biên các chức danh trong tổ chức bộ máy các trường học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo khẩn trương rà soát, kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét điều chỉnh hoặc sửa đổi, bổ sung một số chức danh cần thiết trong tổ chức bộ máy các trường học tại Thành phố Hồ Chí Minh mà trong Thông tư không có quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng